

Số: /BC-UBND

Chiềng Đông, ngày 14 tháng 11 năm 2014

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG XÃ CHIỀNG ĐÔNG, HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

Xã Chiềng Đông nằm ở dọc theo dòng suối Vạt, Suối Hịt; có tổng diện tích tự nhiên 7.244,00 ha; trong đó đất sản xuất nông nghiệp: 2.145,23 ha, đất lâm nghiệp 3.754,3 ha, còn lại là núi đá và đất khác; địa bàn được chia làm 14 bản; có 1.769 hộ với 7.949 nhân khẩu, gồm có 4 dân tộc cùng sinh sống, dân tộc Thái chiếm 93%; dân tộc Kinh chiếm 2,5%; dân tộc Mông 4,0%; dân tộc Khơ Mú 0,5 %. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là sản xuất Nông – Lâm nghiệp – Dịch vụ.

Đảng bộ xã có 21 Chi bộ với 330 đảng viên, các tổ chức đoàn thể cùng hoạt động thống nhất theo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Xã có trục đường Quốc lộ 6 chạy qua 9 km, có 35,9 Km đường giao thông nông thôn. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2013 đạt 6.820,0 tấn; hộ nghèo năm 2014 còn 489 hộ chiếm 28,58%, công tác an ninh – quốc phòng đảm bảo ổn định và giữ vững.

II-KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1.Đặc điểm địa lý:

Vị trí địa lý: Xã Chiềng Đông là xã nằm ở phía bắc của huyện Yên Châu chạy dọc theo dòng suối Vạt và Suối Hịt, cách Trung tâm huyện 13 km, tiếp giáp theo các hướng:

- Phía Đông giáp xã Sạp Vạt – huyện Yên Châu.
- Phía Tây giáp với xã Nà Bó, Cò Nòi – huyện Mai Sơn.
- Phía Nam giáp xã Chiềng Sàng, Chiềng Păn – huyện Yên Châu.
- Phía Bắc giáp xã Hua Nhàn– huyện Bắc Yên.

2. Tình hình dân số:

Toàn xã hiện có 1.769 hộ với 7.949 nhân khẩu. Trong đó: Nam giới có 4.064 người, chiếm 51,12%. Nữ giới có 3.885 người, chiếm 48,88%. Trẻ em dưới 18 tuổi có 2.005 người chiếm 25,2%. Thanh niên và trung niên (có độ tuổi từ 18-60) có 5.389 người(Nam 2.394, nữ 2.995) chiếm 67,8%; Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 167 người chiếm 2,1%. Người già có 555 người (nam 222, nữ 333) chiếm 7,0%. Người khuyết tật có 43 người chiếm 0,54%. Người bị bệnh hiểm nghèo có 14 người chiếm 0,18%.

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên):

Với tổng diện tích tự nhiên là **7.244** ha, việc sử dụng đất của xã nhằm phục vụ cho mục đích: đất ở, đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể: Đất thổ cư: **41,73** ha; Đất nông nghiệp **2.145,23** ha; (Trong đó: đất lúa nước **163** ha, Đất trồng cây hàng năm **1.883,55** ha, Đất trồng cây lâu năm **79,55** ha, Đất nuôi trồng thủy sản **19,13** ha); Đất rừng **3.754,3** ha; Đất phi nông nghiệp **203,11** ha; Đất Khác **1.100,16** ha.

4. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Ngành nghề của người dân xã Chiềng Đông chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, chỉ có một tỷ lệ nhỏ là hộ buôn bán, kinh doanh dịch vụ.

- Sản lượng nông nghiệp đạt: **6.820,0** tấn; Sản lượng bình quân đạt **72,1** kg/người/năm.

Trong đó:

- Cây lương thực: Lúa xuân diện tích gieo cấy **83,1** ha, năng suất bình quân **67,9** tạ/ha, sản lượng **564,3** tấn. Lúa mùa diện tích gieo cấy **163,2** ha, năng suất bình quân đạt **58,4** tạ/ha, sản lượng **953,8** tấn. Ngô diện tích gieo trồng **812,9** ha, năng suất bình quân đạt **58,5** tạ/ha, sản lượng **4.755,8** tấn.

- Các loại cây trồng khác: Lạc **5,0** ha, năng suất đạt **15** tạ/ha, sản lượng đạt **7,5** tấn; Sắn **02** ha; Diện tích trồng rau các loại **83,0** ha như Tỏi, hành, rau, cà chua; cây ăn quả các loại **115,0** ha, cây xoài, cây bưởi, cây nhãn;

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc: **10.862** con, gia cầm hiện có: **54.420** con.

5. Cơ sở hạ tầng:

- Công trình thủy lợi: Có **4** phai đập kiên cố, có **46,8** km kênh mương, đã kiên cố được **18,4** km đạt **39,31** %.

- Trường lớp học: có **05** trường (*Mầm non 02 trường, Tiểu học 02 trường, Trung học cơ sở 01 trường*), trong đó có trường Tiểu học Chiềng Đông B công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

- Đường giao thông **chủ yếu** là đường đất gồm: **35,9** km, chủ yếu là đường đất chưa được bê tông hóa.

- Hệ thống lưới điện dân dụng có **04** trạm biến áp, với **21,0** km đường dây điện.

- Xã có **04** trạm phát thanh, có **08** loa phóng thanh tại **04-08** bản, Bản Thèn Luông, Luông Mé, Bản Chai, Na Pản, Bản Hươn, Bản Chùm, Bản Huổi Pù, Bản Nhôm.

6. Nhà ở:

Toàn xã hiện có **1.8769** ngôi nhà. Trong đó: Nhà kiên cố: **315** nhà; nhà bán kiên cố: **1.500** nhà, Nhà ven suối: **34** nhà, nhà ven núi, sườn đồi **30** nhà.

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

- Xã có **04** công trình nước sạch, có **637** hộ tại Bản Thèn Luông, Nặm Ún, Huổi Pù, Bản Na Pán, được sử dụng = **36,0 %** . Có **133** giếng nước **158** hộ được sử dụng.

- Người dân chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, chưa biết cách thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, các bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng còn vứt rác bừa bãi; chưa có công trình hồ rác tập trung tại các bản . 80% số hộ chưa có nhà vệ sinh hợp vệ sinh, 20% số hộ có nhà vệ sinh kiên cố.

8. Y tế:

Có **01** trạm y tế, gồm **01** Bác sỹ, **02** Y sỹ, **02** y tá, **01** nữ hộ sinh, **01** điều dưỡng, trạm y tế xã chưa đạt chuẩn quốc gia, do đã xuống cấp.

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Đảng uỷ, HĐND, UBND xã đã xác định công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu trong mùa mưa lũ. Vì vậy hàng năm, xã đã xây dựng kế hoạch và phương án PCTT tìm kiếm cứu nạn với phương châm “chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả-” nhằm giảm tới mức thấp nhất về người, tài sản, môi trường do thiên tai gây ra, chính quyền xã đã tích cực chủ động trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua các buổi họp thôn.

Xã đã thành lập ban chỉ huy PCTT gồm **38** người gồm các ban, ngành đoàn thể trong đó: có **6** nữ; đội xung kích xã với số lượng **15** người; lực lượng cứu hộ cứu nạn **155** người, lực lượng dự bị động viên gồm **186** người; lực lượng dân quân **112** người, tại **14 /14** bản.

Sau mỗi lần thiên tai, Ban chỉ huy thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác PCTT, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời theo quy định.

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỒN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

*** Nhận xét chung:**

Là một xã trung du miền núi, có dòng suối Vạt và suối Hịt chảy qua, lại có nhiều khe lạch chảy về, vì vậy hàng năm vào mùa mưa bão thường bị mưa to, lũ, lũ quét kèm theo sạt lở đất, làm thiệt hại lớn đến tài sản, hoa màu của nhân dân và của Nhà nước, ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế của địa phương.

*** Các thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn xã:**

1. Lũ quét: Xu hướng mưa to kéo dài, lũ trên thượng nguồn đổ về nhanh cục bộ, mạnh, thất thường, càng ngày càng nhiều hơn.

Tháng 4/2003, xảy ra lũ quét Khe suối cận bản Nặm Ún đã làm 4 người chết (**03 nam, 01 nữ**), vùi lấp **20** ha ngô mới trồng, **20** ha ao cá bị vùi lấp, **01** con trâu bị chết. Nguyên nhân

do người dân chủ quan, phá rừng đầu nguồn. Người dân ngủ ở khe suối cạn. Lũ đến bắt người dẫn đến thiệt hại về người và tài sản, ao cá ở vùng thấp. UBND xã đã huy động lực lượng tìm kiếm người bị nạn. Quyên góp ủng hộ các gia đình bị nạn. Tăng cường tuyên truyền đến người dân về PCTT.

- Năm 2008, lũ quét mưa lớn cục bộ kéo dài, tại địa bàn xã khu vực ven suối Vạt, suối Hịt đã bị cuốn trôi, vùi lấp thiệt hại **35** ha lúa mùa, **27** ha ngô, **8** ha ao cá, **05** con trâu và **05** nhà dân. Bị thương **02** người dân là **02** nữ tại Bản Cung Giao Thông và Na Pản do bị sạt lở đất.

2. Sạt lở đất: Do điều kiện về địa hình đồi dốc, một số hộ dân trong bản thường làm nhà ở sát chân dốc, vì vậy khi mưa to kéo dài nhiều ngày dẫn đến gây sạt lở đất. Sạt lở đất thường xảy ra nhanh, cục bộ khó dự đoán.

Tháng 9/2008, cơn bão số **6** làm sạt lở đất tại bản Huổi Pù, Bản Luông Mé, gây thiệt hại: **02** hộ gia đình phải di dời nhà ở, ước tính thiệt hại khoảng **120** triệu đồng.

3. Lốc xoáy: Thường xảy ra nhanh, do thay đổi mùa, cục bộ, bất ngờ, khó dự đoán, trong những năm gần đây lốc xoáy thường xảy ra nhiều hơn.

- Năm 2010, lốc xoáy bất ngờ cường độ mạnh tại bản Púng Khoai đã làm tốc mái **20** ngôi nhà và **25** ha ngô bị đổ gãy làm giảm năng 30%, thu nhập thấp dẫn đến đói nghèo. Do người dân thiếu kiến thức phòng chống thiên tai, chủ quan. Ban quản lý thôn bản đã báo cáo lên UBND xã đề nghị hỗ trợ, UBND xã đã báo cáo UBND huyện và vận động nhân dân quyên góp ủng hộ giúp đỡ. Ước tính giá trị thiệt hại khoảng **200** triệu đồng.

4. Rét hại: Xu hướng càng ngày, càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp hơn, độ ẩm thấp, đôi khi kèm sương muối, có những trận rét kéo dài hơn **01** tháng xuống đến **3°** C.

- Cuối năm 2008 rét đậm, rét hại nhiệt độ thấp kéo dài hơn **01** tháng, kèm theo sương muối, toàn xã có **1.800** người già và trẻ em bị ảnh hưởng sức khỏe, học sinh nghỉ học 2 tuần; làm ảnh hưởng đến gia súc, gia cầm, làm chết **32** con trâu, **22** con bò, **60** con dê, **92** con lợn và **1.032** con gia cầm, **2,5** tấn giống mạ bị chết. **83,1** ha lúa bị chết, **02** tấn cá các loại bị chết rét và thiệt hại **0,5** ha hoa màu. Môi Trường bị ô nhiễm, nguồn nước sạch bị ảnh hưởng. Do người dân thiếu kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi. Chuồng trại chưa đảm bảo che chắn kịp thời. Một số hộ dân kinh tế còn khó khăn, chưa có điều kiện giữ ấm cho người và gia súc. Một số hộ còn thả rông gia súc, gia cầm. Do vậy cần tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân. Tập trung chăm sóc người già và trẻ em khi có các đợt rét xảy ra, xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo. Sử dụng giống mới trong sản xuất nông nghiệp có tính năng chịu rét cao. Không thả rông gia súc, gia cầm.

5. Mưa đá: Tháng 6 năm 2007, mưa đá xảy ra bất ngờ tại Bản Kéo Bó, Púng Khoai, Luông Mé, Bản Hượn đã làm tốc mái **20** ngôi nhà, **15** ha hoa màu và diện tích ngô bị dập nát và mất mùa, đường giao thông bị hư hỏng. Ban chỉ huy PCLB xã đã huy động, quyên góp ủng hộ các gia đình bị hư hỏng **35** hộ = **35.700.000** đ, cần tăng cường tuyên truyền đến người dân về phòng chống thiên tai.

II. Thông tin đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT)

1. Nhận xét chung:

Với tổng dân số **7.949** nhân khẩu, trong đó Người già có **555** người, Trẻ em có **2005** người. Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có **167** người, người khuyết tật có **43** người, người bị bệnh hiểm nghèo có **14** người. Các hộ dân làm nhà bán kiên cố, **835** nhà ven suối, **71** nhà ở ven núi. Với những đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình đồi núi dốc, đường giao thông liên xã bằng đường đất, đi lại rất khó khăn cùng với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng đến đời sống người dân trong xã, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp thuần túy, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, ít ngành nghề phụ, bên cạnh đó do nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân còn hạn chế, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên trên địa bàn toàn xã, tình trạng dễ bị tổn thương còn nhiều.

2. Tình trạng dễ bị tổn thương toàn xã:

2.1 An toàn cộng đồng

*Vật chất:

- Có 835 hộ dân sống ven đồi dốc, ven suối, nhà ở chủ yếu là nhà sàn bán kiên cố (420 hộ), thiếu trang thiết bị ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.

- Trụ sở UBND, Trạm y tế chưa kiên cố, xuống cấp; 02 bản chưa có Nhà văn hóa, hệ thống loa truyền thanh từ xã đến các bản để dự báo, cảnh báo, tuyên truyền chưa có và chưa được phủ sóng truyền thanh, truyền hình của huyện Yên Châu.

- Hệ thống đường GTNT tuy đã có nhưng chủ yếu là đường đất (**100%**) đi lại khó khăn, chưa được bê tông hoá, còn nhiều đoạn đường xuống cấp, do mưa lũ xói mòn, sạt lở dễ bị chia cắt khi có thiên tai xảy ra, chưa có biển cảnh báo ở những vùng có nguy cơ cao; **8** km đường giao thông đi lại khó khăn từ trung tâm xã lên Bản Huổi Siêu; **27** km từ trung tâm lên bản Kéo Bó, Púng Khoai.

- Hệ thống mương phai thủy lợi bị xuống cấp, ao cá ở vùng trũng, vùng ven suối, **4** bản Đông Tấu, Na Pản, Luông Mé, Nặm Ún thường xuyên bị lũ quét, thiếu trang thiết bị ứng cứu, 03 cầu đi liên bản bị xuống cấp nghiêm trọng.

- **60** ha lúa, **280** ha ngô nằm ở ven suối, thung lũng; ao cá ở vùng trũng, ven suối. **85%** chuồng trại chưa kiên cố; **100%** chưa có hố rác tập trung, **01** bản chưa có điện lưới quốc gia.

- **90%** hộ dùng dụng cụ thô sơ để sản xuất; **70%** gia súc, gia cầm còn thả rông; **80%** chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh; **5%** hộ chưa có phương tiện đi lại; **10%** hộ chưa có phương tiện nghe nhìn; **30%** hộ chưa có nước tự chảy.

- **5%** chưa có thẻ BHYT; toàn xã có **2.560** người già và trẻ em;

* Tổ chức xã hội.

Do thiếu hệ thống loa truyền thanh nên việc tuyên truyền chưa sâu sát đến tận các bản. Các ban ngành đoàn thể của xã, BCH PCTT, cứu nạn đã có phương án PCTT, tuy nhiên chưa được trang bị kiến thức về phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu ban đầu, thiếu trang thiết bị PCTT, tìm kiếm cứu nạn như nhà bạt, áo phao, phao cứu sinh, đặc biệt lực lượng làm công tác PCTT chưa được tổ chức diễn tập công tác về công tác cứu hộ, cứu nạn hàng năm do thiếu nguồn kinh phí. Việc tham gia của phụ nữ vào công tác PCTT còn hạn chế, tỷ lệ nữ

trong các tổ chức, ban chỉ huy PCTT còn ít (Ban chỉ huy PCTT với số người là 38 người, trong đó có 9 nữ chiếm 40,9%);

Chưa có đội xung kích từ xã đến bản, thiếu kiến thức PCTT; chưa được tập huấn, chưa tuyên truyền tốt việc chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, công tác tuyên truyền còn hạn chế, sự phối hợp giữa các ban, ngành đoàn thể chưa đồng bộ. Trạm y tế xã chưa có đủ Bác sỹ; trình độ chuyên môn y tế bản còn thấp.

Chưa tổ chức vùng sản xuất chuyên canh tập trung, chưa áp dụng KHKT vào sản xuất, thiếu trang thiết bị, thiếu vốn, chưa bố trí sản xuất thu mua đầu ra cho SP để tăng thu nhập cho người dân.

* Thái độ động cơ:

Một số người dân sống ở ven đồi núi cao, suối, vùng có nguy cơ cao còn chủ quan, chưa chủ động trong công tác phòng tránh thiên tai; chưa có ý thức cao trong khám chữa bệnh định kỳ; còn sử dụng thuốc trừ cỏ bừa bãi, vứt rác bừa bãi; thiếu kiến thức KHKT trong sản xuất chăn nuôi, chưa có nghề phụ khi nông nhàn,

Chính quyền địa phương tuy đã quan tâm đến công tác PCTT nhưng nhiều khi chưa sâu sát, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, nhận thức về PCTT của một số cán bộ Xã, Bản chưa đầy đủ, cho đây là công việc của cấp trên.

Chị em phụ nữ còn thiếu kiến thức về rủi ro thiên tai, ít tham gia vào các hoạt động xã hội.

2.2 Sản xuất, kinh doanh:

- Trên **35** ha lúa, **18** ha rau màu nằm ở vùng trũng gần sông suối dễ bị ngập lụt, ngập úng dễ bị mất mùa, giảm năng suất khi có rét hại, nắng nóng. ~~có~~**Có 21** ha diện tích ao cá là những ao hồ ven suối, cá có nguy cơ bị trôi, bị chết rét.

- Đàn gia súc **10.862** con, gia cầm các loại **54.420** con tiêm phòng chưa đầy đủ, chuồng trại chưa đảm bảo, có một số hộ vẫn còn thả rông nên dễ bị chết rét, cũng có thể bị dịch bệnh do chuồng trại không đảm bảo, ô nhiễm môi trường

- Ngành nghề chủ yếu của người dân là trồng lúa, trồng ngô, trồng màu, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, nên dễ bị ảnh hưởng sâu bệnh, năng suất thấp.

- Diện tích ngô và cây ăn quả nhỏ lẻ chưa có đầu ra cho sản phẩm, thường bị tư thương ép giá nên thu nhập thấp, đời sống người dân còn khó khăn.

- Phương tiện sản xuất còn thiếu, thô sơ, **85%** hộ dân vẫn sử dụng sức kéo trâu bò. Do địa hình đồi dốc cao.

- Nhiều diện tích đất sản xuất- ở ven suối thường bị ngập lụt gây sạt lở đất dễ bị mất đất sản xuất. Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi nên thiếu đất sản xuất, người dân phải đi làm thuê vì còn nhiều ngày nông nhàn.

- **85%** hộ gia đình Chăn nuôi gia súc nhỏ lẻ, gia cầm còn thả rông, chuồng trại chưa đảm bảo:

- Người dân thiếu kiến thức về chăn nuôi, sản xuất, ý thức về chăm sóc, vệ sinh cho gia súc chưa cao, một số hộ còn thả rông trâu bò.
- Dịch vụ kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ thiếu hàng, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, giá cả không ổn định, bị tư thương ép giá.

2.3. Sức khỏe, vệ sinh môi trường:

- Do vị trí nằm ở thượng hạ lưu suối Vạt, suối Hịt thường xuyên bị ngập lụt, mùa mưa lũ đất, đá, từ đầu nguồn đổ về. Mà xã chưa có khu rác thải tập trung, người dân còn vứt rác bừa bãi. Xác gia súc, gia cầm chết trong lũ lụt chưa thu gom kịp thời; có **35 %** hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố nên nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Người dân vẫn thả rông trâu bò và gia súc, gia cầm. **50%** người dân sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc bảo vệ thực vật không theo quy định, vứt bao bì bị nhiễm hóa chất bừa bãi, nên có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt ở đầu nguồn (trên đầu nguồn dẫn về) khi có thiên tai xảy ra gây xói lở, sạt lở đất làm vùi lấp, hư hỏng hệ thống đường ống dẫn nước nên thiếu nước sinh hoạt; dẫn đến nhiều bệnh tật như bệnh đau mắt đỏ, bệnh ngoài da, bệnh Phụ khoa ở phụ nữ.

- Có **555** người già, **2.005** trẻ em dễ bị mắc các loại bệnh khi mùa đông đến.

- Trạm y tế chưa đạt chuẩn, y tế bản chưa được đào tạo bài bản, chưa được tập huấn thường xuyên. Có **05%** hộ dân chưa quan tâm đến sức khỏe bản thân, không đi khám sức khỏe theo định kỳ.

III. Thông tin đánh giá về năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)

1. Nhận xét chung:

Với địa hình phức tạp, đồi núi cao chia cắt, thường xuyên có các thiên tai xảy ra nhưng cán bộ và nhân dân xã Chiềng Đông đã nỗ lực cố gắng để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả để hạn chế thấp nhất thiệt hại do các loại thiên tai gây ra, vì hàng năm UBND xã đã kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN gồm **38** người; đội thanh niên xung kích xã với số lượng **15** người, lực lượng cứu hộ cứu nạn **155** người. Chính quyền địa phương quan tâm đến công tác PCTT, hàng năm có lập kế hoạch và phương án PCTT.

Sau mỗi lần thiên tai, Ban chỉ huy thực hiện nghiêm việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời..

2. Năng lực phòng chống thiên tai của toàn xã:

2.1 An toàn cộng đồng:

*** Vật chất:**

- Có **315** nhà kiên cố, trụ sở UBND xã, trạm y tế, **04** trường học và **12** nhà văn hoá trong đó **5/12** nhà văn hóa là điểm trú an toàn khi có thiên tai xảy ra

- Có **3.754,3** ha rừng phòng hộ, **14** bản, đã có đường dẫn đến nơi trú ẩn an toàn.

- Có một số hộ gia đình đang hoạt động trong xã có các phương tiện ô tô, máy xúc, ... có thể huy động để thực hiện công tác PCTT.

****Tổ chức xã hội:***

Xã thành lập Ban chỉ huy PCTT để chỉ đạo ứng phó kịp thời khi có thiên tai xảy ra, đội xung kích xã nhiệt tình có sức khỏe ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra với số lượng **15** người (05 nữ), tại **14/14** bản; lực lượng cứu hộ, cứu nạn **155** người, lực lượng dự bị động viên **186** người, lực lượng dân quân **112** người năng động nhiệt tình, dễ huy động, tiếp cận nhanh khi có thiên tai, các tổ chức đoàn thể và hệ thống chính trị rất quan tâm trong công tác PCTT- TKCN.

****Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:***

Người dân đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong công tác PCTT, bảo vệ môi trường. Biết sử dụng gọt thép để xếp đá, trồng cây tre và một số loại cây khác chống sạt lở.

2.2 Sản xuất, kinh doanh:

**** Vật chất:***

- Xã có lực lượng lao động đông, có hệ thống đường giao thông liên bản từ UBND xã đến tất cả các bản. Có cán bộ thú y bản để điều trị, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.

- Có **4** phai đập kiên cố, có **46,8** km kênh mương, đã kiên cố được **1,84** km đạt **3,931** %.

- **315** nhà kiên cố; **04** trường học kiên cố, có **12/14** bản có nhà văn hóa; **02** cầu kiên cố,

**** Tổ chức xã hội:***

Công tác tuyên truyền cho người dân về kiến thức chống rét cho gia súc, gia cầm, tiêm phòng, cho gia súc, gia cầm được các tổ chức xã hội quan tâm thực hiện. Đặc biệt Hội phụ nữ luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cách phòng bệnh, đảm bảo đủ ấm cho người già, trẻ em trong mùa Đông.

**** Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ:***

Người dân tại địa phương biết cách phủ ni lông che phủ cho mạ, rau màu để bảo vệ cây trồng, biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm; chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa Đông; chủ động phủ rơm, thả bèo.. cho ao nuôi cá.

2.3 Sức khỏe, vệ sinh môi trường:

**** Vật chất:***

Có trạm y tế xã tuy chưa đạt chuẩn quốc gia, nhưng với đội ngũ y, bác sỹ có **07** người nên trạm y tế đã đảm bảo việc khám và điều trị bệnh cho nhân dân, và có đội ngũ y tế thôn bản 14 /14 bản.

**** Tổ chức xã hội:***

Chính quyền và các tổ chức xã hội đã chủ động, tổ chức một số các hoạt động thiết thực cho người dân: Hội PN, dân số, y tế phối hợp tổ chức khám sức khỏe cho chị em phụ nữ, tổ chức khám định kỳ cho người dân; **95%** người dân có BHYT, bên cạnh đó, chính quyền đã tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh môi trường, chuẩn bị các chất khử trùng và phun tiêu độc. Các tổ chức đoàn thể phối hợp với nhà trường dọn vệ sinh sau lũ, nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

** Nhận thức kinh nghiệm, thái độ, động cơ:*

Một số người dân chủ động đến trạm y tế kịp thời khi bị bệnh, biết chăm sóc sức khỏe, phụ nữ có thai, trẻ em được tiêm chủng đầy đủ, nhiều hộ gia đình biết cách giữ gìn vệ sinh chung và tham gia dọn dẹp vệ sinh đường làng ngõ xóm định kỳ theo quy ước của bản.

C. TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. Tổng hợp rủi ro thiên tai

***Nhận xét chung:** Địa bàn xã Chiềng Đông thường xuyên có 4 loại thiên tai Lũ quét, gãy sạt lở đất, rét hại, lốc xoáy, mưa đá thường xuyên xảy ra, và do tác động của biến đổi khí hậu nên thiên tai ngày càng khắc nghiệt hơn, khó dự đoán, cùng với tình trạng dễ bị tổn thương trên địa bàn xã còn nhiều, Qua đánh giá người dân đã xác định được các rủi ro cơ bản và xếp hạng theo 3 tiêu chí “ *Mức độ nghiêm trọng; Thường xuyên xảy ra; Phạm vi rộng*” nên đã đưa ra bảng xếp hạng như sau:

***Những rủi ro thiên tai đã xếp hạng:**

1. Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chia cắt
2. Ngô, lúa, hoa màu mất mùa, giảm năng suất
3. Thiếu ăn vào giáp hạt
4. Ô nhiễm môi trường
5. Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp
6. Nguy cơ nhà ở, chuồng trại hư hỏng, vùi lấp
7. Thiếu nước sạch
8. Gia súc, gia cầm chết, bị dịch bệnh
9. Nguy cơ người chết và bị thương
10. Nguy cơ bị bệnh ở người già, trẻ em

*** Những rủi ro được người dân trong xã Chiềng Đông quan tâm nhất đó là:**

1. Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chia cắt
2. Ngô, lúa, hoa màu mất mùa, giảm năng suất
3. Thiếu ăn vào giáp hạt
4. Ô nhiễm môi trường
5. Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp

II. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai:

Từ các rủi ro ưu tiên được xác định nhóm đánh giá đã cùng với người dân 8 Bản thực hiện công cụ phân tích nguyên nhân của các rủi ro: Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chia cắt; Ngô, lúa, hoa màu mất mùa, giảm năng suất; Thiếu ăn vào giáp hạt; Ô nhiễm môi trường; Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp; Để phân tích tìm ra được các nguyên nhân từ đó cùng người dân xác định các giải pháp cơ bản theo 3 tiêu chí “*Tính cấp thiết; Tính khả thi; Khả năng huy động nguồn lực để thực hiện*” nên đã xếp hạng các giải pháp như sau:

1. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương
2. Đầu tư xây dựng, bê tông hóa đường giao thông
3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khỏe
4. Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm ngô lúa hoa màu
5. Phát triển nghề truyền thống (dệt thổ cẩm cho phụ nữ)
6. Quy hoạch xây dựng bãi rác tập trung
7. Chuyển đổi giống cây trồng phù hợp. Trồng cây chuyên canh, tạo sản phẩm hàng hóa
8. Tạo việc làm, tăng thu nhập
9. Hàng năm củng cố đội quản lý mương phai và hỗ trợ kinh phí hoạt động
10. Đầu tư giống mới, phân bón, chăm sóc tốt
11. Có dịch vụ cung ứng giống, phân bón, thuốc đảm bảo chất lượng
12. Tập huấn chuyên gia KHKT về chăn nuôi và trồng trọt. Áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăm sóc cây trồng
13. Đào tạo nâng cao năm lực, trình độ chuyên môn cho Ban quản lý Bản, cán bộ xã và nâng cao trách nhiệm trong các hoạt động.
14. Lãnh đạo xã đối ngoại vận động nguồn lực, Vận động nhân dân không trông chờ quá nhiều vào sự hỗ trợ của Nhà nước để xây dựng nâng cấp kênh mương và đường giao thông
15. Giảm các khoản đóng góp và kinh phí cho con em đi học
16. Lập dự án sử dụng giống mới năng suất cao
17. Khảo sát, lập danh sách người cần được hỗ trợ chính xác
18. Quản lý duy tu công trình tại cộng đồng

Từ 05 giải pháp ưu tiên (giải pháp 1 đến 5), nhóm đánh giá thảo luận cùng với người dân của 8 bản và lãnh đạo các ban ngành địa phương để đưa ra các hoạt động cụ thể như sau:

T. T	Giải pháp	Địa điểm, đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể thực hiện giải pháp	Tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Dân	Địa phương	Bên ngoài

1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khoẻ	Người dân toàn xã	HĐ1: Tuyên truyền trực tiếp qua các cuộc họp của bản và các ban ngành đoàn thể.	BQLBản và các ban ngành	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của bản	Banquản lý bản+ Văn hoá xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ3: Tổ chức diễn tập hàng năm	UBND Xã	Trung hạn	20%	50%	30%
			HĐ4: Pa nô, áp phích, biển cảnh báo	UBND xã + BQLBản	Trung hạn		50%	50%
			HĐ5: Tổ chức văn nghệ	Các bản + Văn hoá xã	Trung hạn	70%	30%	
			HĐ6:Tổ chức các hoạt động và tập huấn cho học sinh và nhân dân	VH xã + trường học+Ban quản lý bản	Trung hạn		100%	
2	Quy hoạch và đầu tư xây dựng bãi rác thải, thu gom rác thải	Người dân toàn xã	HĐ1: Xác định địa điểm khu bãi rác thải	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ2: Lập đề án xây dựng bãi rác	UBND và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3: Thành lập đội thu gom rác	UBND xã	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Tuyên truyền vận động người dân thu gom rác thải	UBND xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ5: Tiến hành xây dựng bãi rác	UBND xã	Dài hạn		50%	50%
			HĐ 6:Tiến hành thu gom, xử lý rác thải	Nhân dân	Thường xuyên	70%	30%	
			HĐ7: Quy định về quản lý và cơ chế, kinh phí hoạt động thu gom	UBND xã	Thường xuyên		100%	

3	Đầu tư xây dựng sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương (28km kênh mương, 60 đập nước tạm thời)	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống kênh mương + 60 đập nước	UBND xã + BQLBản	Thường xuyên		100 %	
			HĐ2: Tổ chức nạo vét kênh mương	Cán bộ nông nghiệp xã, bản	Thường xuyên	100 %		
			HĐ3: Lập đề án sửa chữa nâng cấp	UBND xã, cán bộ Thủy lợi	Trung hạn		100 %	
			HĐ4: Vận động nguồn lực	UBND xã + Ban QLDA	Trung hạn		100 %	
			HĐ5: Thực hiện sửa chữa, nâng cấp.	Các bản	Trung hạn	30%	50%	20 %
			HĐ6: Quản lý, sử dụng có hiệu quả	Các bản	Thường xuyên	100 %		
			HĐ7: Kiểm tra, bảo vệ, bảo dưỡng thường xuyên	UBND xã + Ban QLDA	Thường xuyên		100 %	
4	Đầu tư xây dựng bê tông hóa hệ thống giao thông	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng	Cán bộ giao thông +ban quản lý bản	Ngắn hạn		100 %	
			HĐ2: Lập đề án xây dựng	UBND xã	Ngắn hạn		100 %	
			HĐ3: Vận động nguồn lực	UBND xã	Trung hạn		100 %	
			HĐ4: Tiến hành triển khai xây dựng	UBND xã + Ban QLDA	Dài hạn	20%	30%	50 %
			HĐ5: Giám sát xây dựng	Ban giám sát xã+ dân	Dài hạn		100 %	
			HĐ6: Nghiệm thu, quản lý, đưa vào sử dụng	Ban GS + thi công+ người dân	Ngắn hạn		100 %	

			HĐ 7: Duy tu bảo dưỡng thường xuyên	UBND xã + Ban QLDA	Dài hạn	50%	50%	
5	Tạo đầu ra sản phẩm (Ngô, lúa, hoa màu và cây ăn quả)	Người dân toàn xã	HĐ1:Đánh giá năng suất sản phẩm lúa, ngô, hoa màu	Cán bộ khuyến nông xã	Trung hạn		100%	
			HĐ2 : Liên hệ với các doanh nghiệp	UBND xã + ban QL	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3:Thành lập HTX thu mua sản phẩm cho người dân	UBND xã + ban QLDA	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Vận động nhân dân nhập sản phẩm cho HTX	UBND xã + ban QLDA	Trung hạn		100%	
			HĐ5: Hợp đồng giữa HTX và người dân để tiêu thụ sản phẩm, đầu tư giống, vốn	UBND xã + ban QLDA + Người dân	Trung hạn	20%	60%	40%
			HĐ6 : Xây dựng sân bãi, kho hàng hoá sản phẩm	HTX+ UBND xã	Trung hạn	30%	30%	40%

D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Đề thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Chiềng Đông, trong thời gian tới cần tập trung những điểm chính sau đây:

1. Chính quyền và nhân dân các bản:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức cho người dân, để họ thật sự chủ động phòng ngừa ứng phó khi thiên tai xảy ra, đặc biệt theo phương châm 4 tại chỗ.

- Tăng cường công tác vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, không thả rông gia súc, thu gom rác thải, các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đúng quy định; Không sử dụng thuốc diệt cỏ ở các vùng đầu nguồn các công trình cấp nước sinh hoạt.

- Vận động người dân và kêu gọi sự hỗ trợ bên ngoài để mua sắm trang thiết bị cần thiết để sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động PCTT và các hoạt động khác.

2. Cấp xã:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai mới ban hành, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động sự đóng góp của người dân và kêu gọi sự hỗ trợ của cấp trên và các tổ chức để xây dựng hệ thống loa truyền thanh toàn xã nhằm phục vụ cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo.

- Vận động nhân dân tích cực trồng rừng, lựa chọn giống cây trồng có giá trị kinh tế cao để tăng nguồn thu nhập.

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch PCTT và lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai.

3- Cấp huyện, tỉnh, trung ương.

- Có các biện pháp giúp cho người dân phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra. Cấp ủy Đảng và chính quyền và nhân dân xã Chiềng Đông kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

- Đầu tư xây dựng Trụ sở UBND xã;

- Xây dựng khu rác thải tập trung tại xã và các bản.

- Xây dựng hệ thống loa truyền thanh từ xã đến tận các bản; Tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân.

- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng, sửa chữa nâng cấp các tuyến kênh đã xuống cấp hư hỏng.

- Nâng cấp sửa chữa 8 km tuyến đường giao thông đi lại khó khăn, dễ bị chia cắt khi có thiên tai xảy ra ;

- Xây dựng 03 cầu liên bản (cầu Huổi Mỏi, Cầu Luc Lo, Cầu Na Dên) từ Na Pản đi Huổi Siểu và từ Quốc lộ 6 đi Bản Nặm Ún, 8 km đường giao thông liên thôn và cầu vào khu sản xuất;

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án cây trồng hàng hóa có đầu ra cho sản phẩm.

- Tổ chức tập huấn cho đội cứu hộ, cứu nạn về kiến thức và trang bị trang thiết bị phục vụ công tác PCTT (*áo phao, nhà bạt, phao cứu sinh, dụng cụ sơ cấp cứu*);

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi cho các hộ nghèo, cận nghèo.

Trên đây là báo cáo đánh giá của UBND xã Chiềng Đông, rất mong nhận được sự chỉ đạo, quan tâm của các cấp chính quyền để công tác PCTT của xã ngày càng thực hiện tốt hơn./.

Nơi nhận:

- BCĐ đề án 1002 TW, tỉnh, huyện;
- TT Đảng ủy – HĐND- UBND – UBMTTQ xã;
- Ban PCTT xã;
- Lưu VT, VP Quyết 40 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Minh

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

- Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá
- Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá đánh giá RRTT-DVCD
- Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương
- Phụ lục 4. Kết quả đánh giá (bảng 2.1; 3.1; 4.1; 5.1; 6.1; 7.1; 8.1; 9.1)

PHỤ LỤC KÈM THEO

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD SỐ 61 /BC- UBND NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 2014
CỦA UBND XÃ CHIỀNG ĐÔNG**

2.1 Bảng lịch sử thiên tai

Năm... (tháng)	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại, mức độ thiệt hại (ATCĐ; SXKD; VSMT)	Tại sao bị thiệt hại? (VC; TC/XH; NT, KN, T ĐDC)	Đã làm gì để PCTT (người dân, Nam nữ, chính quyền)
Tháng 4/2003	Lũ quét	Mưa lớn cục bộ kéo dài, không theo quy luật. xảy ra ngày càng nhiều.	Khe suối cạn bản Năm Ún	Làm 4 người chết (3 nam, 1 nữ) Lấp 20 ha ngô, 20ha ao cá bị vùi lấp. 1 con trâu bị chết.	Do người dân chủ quan, phá rừng đầu nguồn. Người dân ngủ ở khe suối cạn. Lũ đến bất ngờ dẫn đến thiệt hại về người và tài sản. Ao cá ở vùng thấp.	Huy động lực lượng tìm kiếm người bị nạn. Quyên góp ủng hộ các gia đình bị nạn. Tăng cường tuyên truyền đến người dân về PCTT
5/2008	Lũ quét	Mưa lớn cục bộ kéo dài, không theo quy luật. hiện nay năm nào cũng xảy ra trên địa bàn xã.	Suối Vạt, Nà Pản, Đông Tấu, Luông Mé, Bản Chùm,. Bản Hượn	Thiệt hại 35ha lúa, 27 ha ngô, 8ha ao cá, 5 con trâu và cuốn trôi 5 nhà dân	Nhà ven suối chưa kiên cố. Trâu bò thả đông. Ngô đang mùa vụ chưa cho thu hoạch - Ao cá ở vùng thấp. Trâu bò thả đông. Một số người dân chủ quan trong việc PCTT	Người dân thông báo cho chính quyền. UBND xã chỉ đạo lực lượng hỗ trợ các gia đình khắc phục hậu quả sau thiên tai xảy ra. Tăng cường tuyên truyền đến người dân về công tác PCTT.
Tháng 6/2007	Mưa đá	Mưa bất ngờ xảy ra trong thời gian ngắn, nhiều hơn và bất thường	Bản : Kéo Bó, Luông Mé, Bản Hượn	20 nhà bị bể ngói, 15 Ha hoa màu và ngô bị dập nát và mất mùa.	Bất ngờ thiếu thông tin, thời kỳ ngô đang trở bông nhà chưa kiên cố.	Huy động nhân dân giúp đỡ các hộ bị thiệt hại, tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống thiên tai cho người dân.

Tháng 7/2010	Lốc	Bất ngờ trong thời gian ngắn cường độ mạnh hơn, xảy ra nhiều hơn	Bản Khoai Púng	20 hộ bị tóc mái, 25 Ha bị đổ gãy, giảm năng xuất thu nhập thấp dẫn đến nghèo đói	Bị bất ngờ, nhà tạm, thiếu kiến thức phòng chống thiên tai và chủ quan	Báo cáo thiệt hại lên UBND xã đề nghị hỗ trợ, huy động nhân dân đóng góp ủng hộ giúp đỡ
Tháng 12/2008	Rét hại	Nhiệt độ thấp hơn, kéo dài hơn 1 tháng, kèm theo sương muối nhiều hơn. Những năm gần đây xảy ra nhiều hơn.	Toàn xã	1.800 người già và trẻ em bị ảnh hưởng sức khỏe. Chết 32 con trâu, 22 con bò, 60 con dê, 92 lợn và 1.031 con gia cầm, 25 ha diện tích mạ bị chết. 83,1 Ha lúa mới cấy bị chết. 2 tấn cá các loại bị chết. 0,5 Ha hoa màu bị chết.	Do ý thức chủ quan của người dân. Thiếu kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi. Chuồng trại chưa đảm bảo. Che chắn chưa kịp thời. Một số hộ dân kinh tế còn khó khăn, chưa có điều kiện giữ ấm cho người và gia súc. Gia súc gia cầm còn thả rông.	Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân. Tập trung chăm sóc người già và trẻ em khi có các đợt rét xảy ra. Xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo. Sử dụng giống mới trong sản xuất nông nghiệp có tính năng chịu rét cao. Không thả rông gia súc gia cầm.

Bảng 3.1 LỊCH THEO MÙA

S T T	Thiên tai	Tháng (dương lịch)												Xu hướng của thiên tai		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
1	Lũ lụt													Không theo quy luật xảy ra nhiều hơn.		
2	Mưa đá													Không thường xuyên thất thường		
3	Rét hại													Nhiệt độ thấp hơn, kéo dài hơn		
4	Lốc													Không xảy ra thường xuyên bất ngờ, nhanh.		
	Hoạt động KT-XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	A/h của thiên tai	Tại sao	Kinh nghiệm phòng chống
1	Trồng lúa		Lúa vụ xuân nam 50%					Lúa vụ mùa: nam 50% ; Nữ 50%						Mạ chết rét, giảm năng xuất, thu nhập thấp dẫn đến đói nghèo	Không che chắn cho mạ, thiếu kiến thức, thiếu đầu tư, giống không phù hợp	Che phủ nilong cho mạ, chọn giống phù hợp, chăm sóc tốt
								Lúa vụ nương: nam 50% ; Nữ 50%						Ngập úng, vùi lấp, bị đổ dập, bị sâu bệnh, giảm năng xuất dẫn đến nghèo đói	Mương phai chưa kiên cố, thiếu kiến thức chăm sóc chưa tốt	Tu bổ xây dựng hệ thống mương phai kiên cố thu hoạch đúng thời vụ, chăm sóc tốt
														Sâu bệnh giảm năng xuất giảm diện tích.	Chăm sóc chưa tốt, sử dụng giống cũ, chưa áp dụng khoa học KT	Trồng đúng thời vụ, chọn giống tốt, đầu tư tốt và chăm sóc tốt

	khoai tây, khai lang				50 %							rét, thu nhập thấp	chưa tốt	hệ thống dẫn nước tới tận vườn, đồng ruộng.
8	Lâm nghiệp (trồng rừng, chăm sóc rừng)	Nam 80%										Sói trôi, sạt lở làm mất diện tích rừng, làm cây đổ gây ảnh hưởng đến sự phát triển của rừng	Do rừng mới trồng địa hình dốc cao	Tăng cường trồng, chăm sóc bảo vệ rừng
9	Cây công nghiệp ngắn ngày	Nam 50%										Cây bị chết, giảm năng suất do gãy đổ; thu nhập thấp dẫn đến đói nghèo	Thiếu kiến thức, thiếu đầu tư, thiếu đầu ra	Chọn giống tốt, phù hợp; áp dụng KHKT, nâng cao năng suất; tìm đầu ra cho sản phẩm
1 0	Cây ăn quả (xoài, me, nhãn,chuối ...)	Nam 40%										Cây bị chết đổ, quả bị rụng, cuốn trôi, giảm năng xuất, chất lượng kém; thu nhập thấp dẫn đến đói nghèo. Giao thông vận chuyển hàng hóa khó khăn	thiếu kiến thức; chưa có vùng chuyên canh; chưa có đầu ra cho sản phẩm, bị tư thương ép giá; thiếu đầu tư cho sản phẩm; công tác chỉ đạo chưa sát sao	Chọn giống địa phương; tập trung vùng chuyên canh; có sự đầu tư hợp lý; tìm đầu ra cho sản phẩm; lãnh đạo, chỉ đạo tốt vùng chuyên canh
		Nữ 20%												
		Nữ 50%												
		Nữ 60%												

BẢNG 4.1 TỔNG HỢP CÔNG CỤ SƠ HỌA BẢN ĐỒ RRTT

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Lũ quét	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra nhanh - Khó dự đoán - Không theo quy luật. - Cường độ càng ngày càng lớn. - Xảy ra thường xuyên 	<p>1. An toàn cộng đồng (ATCD):</p> <p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 835 hộ dân sống ở ven sông suối. - Xã chưa có hệ thống truyền thanh tới bản. - 100% km đường giao thông đi lại khó khăn chưa được bê tông hóa. - Chưa có biển cảnh báo ở những vùng có nguy cơ cao. - Mương phai thủy lợi bị xuống cấp. - Ao cá ở vùng trũng, vùng ven suối. - 4 bản vùng thường xuyên bị lũ quét - Thiểu trang thiết bị ứng cứu. - 3 cầu bị xuống cấp nghiêm trọng. <p>* TCXH:</p> <p>Chưa được tập huấn trang bị kiến thức phòng, chống TT. Chưa thành lập đội xung kích cứu hộ cứu nạn</p> <p>*NT,KN,TĐ,ĐC</p> <p>Người dân thiếu kiến thức, còn chủ quan, lo làm ăn chưa quan tâm đến PCTT</p> <p>2 SXKD:</p> <p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35ha lúa, 18ha rau màu nằm ở vùng trũng, ven suối có nguy cơ bị mất trắng. - Chuồng trại gia cầm, ao cá ở vùng ven suối, vùng trũng. <p>* TCXH:</p>	<p>1. An toàn cộng đồng:</p> <p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 30% nhà trú ẩn khi thiên tai xảy ra; Có các điểm an toàn cộng đồng : Nhà văn hoá của 4 bản, 3 trường học, 1 trạm y tế. 6 bản có loa truyền thanh. Hệ thống điện lưới được đảm bảo. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ban ngành đoàn thể có sự phối hợp trong chỉ đạo thực PCTT - Có BCH phòng chống TT của xã. Có sự phân công cụ thể từng thành viên và có kế hoạch cụ thể hàng năm. <p>*NT,KN,TĐ,ĐC</p> <p>Đoàn kết giúp đỡ nhau khi hoạn nạn xảy ra</p> <p>2. SXKD</p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 28 hộ mua bán nhỏ, dự trữ và cung ứng đủ hàng hoá phục vụ khi có thiên tai xảy ra. - 41 ha trồng lúa, 5 ha trồng rau màu để hỗ trợ cung cấp cho người dân. 	<p>1. An toàn cộng đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa có nguy cơ bị sập - Người có nguy cơ bị chết, bị thương do mưa lũ cuốn trôi - Giao thông ách, bị chia cắt khi thiên tai xảy ra. - Các công trình giao thông thủy lợi có nguy cơ bị sạt lở, vùi lấp, cuốn trôi, hư hỏng. <p>2. SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích lúa bị cuốn trôi, sạt lở, vùi lấp, mất trắng,

		<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có những vùng sản xuất chuyên canh. - Công tác tuyên truyền còn hạn chế. - Không có bao tiêu đầu ra cho sản phẩm. - Đầu tư còn dàn trải, chưa tập trung. <p>*NT,KN,TĐ,ĐC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ, một số hộ còn thả rông gia súc gia cầm <p><u>3. SKVSMT:</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố. - Trạm y tế xã đã xuống cấp. - Chưa có hố rác tập trung, chưa có nơi xử lý rác thải. <p>* TCXH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền thực hiện vệ sinh phòng bệnh, thực hiện vệ sinh môi trường còn yếu. - Đội ngũ y tế bản chưa được đào tạo bài bản <p>*NT,KN,TĐ,ĐC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% dân chưa quan tâm đến sức khỏe, chưa đi khám bệnh định kỳ. - Chưa có ý thức bảo vệ môi trường, một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi 	<p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã có lực lượng xung kích sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn khi TT xảy ra. Hàng năm có phương án đề phòng và ứng phó và tuyên truyền đến người dân. <p>*NT,KN,TĐ,ĐC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kinh nghiệm trồng lúa nương, một số hộ gia đình biết chống rét cho trâu bò <p><u>3. SKVSMT:</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% hộ có nhà vệ sinh kiên cố. - Có trạm y tế xã. - Phụ nữ có thai và trẻ em được tiêm phòng đầy đủ. <p>* TCXH:</p> <p>Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho phụ nữ có thai và trẻ em dưới 5 tuổi</p> <p>*NT,KN,TĐ,ĐC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 % người dân đã quan tâm đến sức khỏe. - 95% người dân có thẻ bảo hiểm y tế 	<p>làm giảm năng suất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm bị chết, chuồng trại bị hư hỏng. Ao cá bị cuốn trôi. <p><u>3.SKVSMT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em và người già bị mắc bệnh về đường hô hấp, - Ô nhiễm môi trường .
<p>Rét Hại</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thời gian kéo dài > 1 tháng - Xuất hiện thường xuyên hơn 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gần 3.000 người già và trẻ em. - 489 hộ nghèo. - 80% nhà nhà tạm, bán kiên cố. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn trang bị kiến thức PCTT. 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 5000 người dân có sức khỏe và kinh nghiệm phòng chống rét. - 1300 hộ có kinh tế trung bình, khá. - 20% số hộ có nhà kiên cố. 	<p><u>1 An toàn cộng đồng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh phải nghỉ học. - Nguy cơ đói giáp hạt, tăng hộ đói nghèo.

		<ul style="list-style-type: none"> - Công tác phối hợp tuyên truyền của các ban ngành, đoàn thể đến người dân chưa đồng bộ, thiếu thường xuyên. - Chưa có đội cứu hộ, cứu nạn. <p><u>2. SX, KD:</u></p> <p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích mạ nguy chết rét - 30% diện tích lúa có nguy cơ mất trắng - Gia súc gia cầm còn thả đông. - 85% chuồng trại chưa đảm bảo. - 90% gia cầm chưa được tiêm phòng thường xuyên. - Thiếu kinh phí. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm, kiến thức nuôi trồng thủy sản còn yếu. - Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. - Tiếp cận thông tin về thời tiết chưa kịp thời. <p><u>3.SK, VSMT :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gần 3000 người già và trẻ em. - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo VSAT 	<p><u>2. SX, KD:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% chuồng trại kiên cố. - Gia súc và 10% gia cầm được tiêm phòng thường xuyên. - 30% chuồng trại được che chắn đảm bảo. - Người dân biết dùng Nilon để che phủ mạ. - Chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc. - 95% số hộ có phương tiện nghe nhìn. <p><u>3.SK, VSMT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 14/14 bản có trạm y tế và thú y viên. - Thường xuyên khám chữa bệnh theo định kỳ. - 95% có thẻ bảo hiểm Y tế. - 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ mắc các bệnh về đường hô hấp, xong, khớp. <p><u>2. SX, KD</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc gia cầm, thủy sản bị chết rét. - Dịch bệnh phát triển. - Giảm năng suất, sản lượng cây trồng. Nguy cơ mạ chết rét. - Hàng hóa buôn bán chậm tiêu thụ hàng hóa. <p><u>3. SK,VSMT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ ốm mắc bệnh. - Gia súc gia cầm chết gây ô nhiễm môi trường.
Lốc	<ul style="list-style-type: none"> - Bất ngờ xảy ra trong thời gian ngắn cường độ mạnh không 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 bản có 100 hộ trên 300 nhân khẩu nằm ở vùng thường xuyên có lốc (vùng cao) 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 điểm trường và 3 nhà văn hóa bản kiên cố theo chương trình 135 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ chết người. Nguy cơ bị

<p>theo quy luật, xuất hiện nhiều hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ chưa có nhà kiên cố * TCXH: <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có đội cứu hộ cứu nạn của xã, bản. - Chưa được tập huấn trang bị kiến thức phòng chống thiên tai. - 1 Bản chưa có điện Huỗi Siểu. * NT, KN, TĐ-ĐC. <ul style="list-style-type: none"> - Nghèo, chủ quan chưa quan tâm đến công tác PCTT. <u>2. SX,KD</u> *VC: <ul style="list-style-type: none"> - 30 Ha lúa, 70Ha ngô nằm ở vùng cao - 90Ha rừng trồng và rừng bảo vệ - Không có kênh mương tưới tiêu cây trồng phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. - Thiếu kiến thức chăn nuôi trồng trọt. * TCXH: <ul style="list-style-type: none"> - 3 bản xa trung tâm chưa được gì quan tâm kịp thời. Sản phẩm lự cấp chủ yếu làm ra tự cung tự cấp chủ * NT, KN, TĐ-ĐC. <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức chăn nuôi sản xuất - Chưa có ngành nghề phụ, nông nhân phải đi làm thuê. <u>3.SK, VSMT :</u> *VC: <ul style="list-style-type: none"> - Y tế bản còn thiếu chưa được đào tạo chính quy. - Một số hộ dân chưa có nhà VS 	<p>CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có loa truyền thanh ở 3 bản. * TCXH: <ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý bản chỉ đạo công tác PCTT. - Tuyên truyền cho hộ dân về công tác PCTT * NT, KN, TĐ-ĐC. <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn kết giúp đỡ nhau khi có TT xảy <u>2. SX, KD</u> *VC: <ul style="list-style-type: none"> - Có nước tự chảy ở khe suối dùng trâu bò có sức kéo khoảng 120 con * TCXH: <ul style="list-style-type: none"> - Được quan tâm giúp đỡ đầu tư vay vốn sản xuất và tiêm phòng cho gia súc. Hỗ trợ giống phân bón * NT, KN, TĐ-ĐC. <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng lao động đông. - Người dân đoàn kết và giúp đỡ nhau trong sản xuất <u>3.SK, VSMT :</u> *VC: <ul style="list-style-type: none"> - Có Y tế bản, có nhà VS, có nước sinh hoạt thuộc chương trình 135. 	<p>sập nhà</p> <u>2. SX,KD</u> <ul style="list-style-type: none"> - Làm mất mùa giảm năng xuất. - Rừng có nguy cơ bị đổ gãy. - Thiếu ăn gia tăng đói nghèo. <u>3. SKVSMT</u> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh xảy ra. - Nguy cơ ô nhiễm môi trường.
--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có bãi rác tập trung. * TC XH: - Y tế bản không phải là người ở bản hạn chế đến chăm sóc sức khỏe cho người dân, thiếu thuốc. * NT, KN, TD-ĐC. - Người dân còn chủ quan chưa chăm sóc sức khỏe, còn vất rác bừa bãi. 	<ul style="list-style-type: none"> * TC XH: - Đã tuyên truyền VS phòng bệnh tâm màn chống muỗi cho người dân 	
--	---	---	--

Bảng 5.1: Điểm mạnh điểm yếu trong công tác PCTT

Người dân và các tổ chức đoàn thể	Điểm mạnh	Điểm yếu
Người dân	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% nhà xây 2 tầng trở lên ; 95% có phương tiện đi lại. 80% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh. 95% có phương tiện nghe nhìn. <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ/ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% người dân có ý thức trong công tác PCTT - Các hộ có tinh thần đoàn kết giúp đỡ 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>* Vật chất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn chủ quan, 100% người dân chưa có áo phao - 5% chưa có nước sạch - 80% còn nhà tạm, 5% thiếu ti vi - 100% đường giao thông chưa bê tông hoá <p>* Nhận thức, Kinh nghiệm, Thái độ ,động cơ: Vẫn còn một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động trong công tác phòng tránh thiên tai. 20% hộ dân chưa có ý thức trong công tác PCTT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chị em phụ nữ còn phụ thuộc kinh tế, nhận thức về rủi ro thiên tai, chăm sóc sức khỏe còn hạn chế

	<p>nhau.</p> <p><u>2. Sản xuất, kinh doanh:</u></p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% các hộ chăn nuôi thêm gia súc, gia cầm (70 nữ, 30% nam), 90% hộ có chuồng trại chăn nuôi. - 20% hộ có máy cày, bừa, máy tách ngô. - Nhiều ngành nghề: Trồng ngô, lúa, sắn, dong giềng, cây ăn quả, cây công nghiệp... <p>* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ/động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng các kinh nghiệm vào sản xuất, kinh doanh <p><u>3. Sức khỏe về sinh môi trường</u></p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% có thuốc dự phòng. - 95% người dân có BHYT. <p>* NT,KN,TĐ/ động cơ.</p> <p>Một số người dân biết chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường,</p>	<p><u>2. Sản xuất, kinh doanh:</u></p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có bãi chăn thả gia súc; 70% chưa có chuồng trại hợp vệ sinh - Phương tiện sản xuất còn thiếu, thô sơ; - 30% đất sản xuất nông nghiệp ở vùng ven suối và sườn đồi dốc. <p>* NT,KN, TĐ/ Động cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức , năng lực trong chăn nuôi sản xuất, nông nhân không có nghề phụ phải đi làm thuê - Chăm sóc cây trồng vật nuôi chưa tốt, còn dùng thuốc diệt cỏ, còn thả rông gia súc gia cầm <p><u>3. Sức khỏe về sinh môi trường</u></p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hồ rác gia đình, chưa xử lý rác thải. - 90% chưa có tủ thuốc, 50% nhà vệ sinh chưa đảm bảo. - 5% chưa có bảo hiểm y tế. <p>* NT,KN,Thái độ/ động cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa quan tâm nhiều đến sức khỏe, chưa khám định kỳ - Người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường.
<p>Chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã hội</p>	<p><u>1- An toàn cộng đồng:</u></p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 điểm trường học kiên cố. - Trạm y tế có 1 bác sỹ và 6 nhân viên, . - Có một số trang thiết bị cần thiết: cuốc, 	<p><u>1- An toàn cộng đồng:</u></p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở UBND, trạm y tế xã chưa kiên cố. Thiếu trang thiết bị PCTT. - Đường giao thông đi lại khó khăn. 100% đường chưa được bê tông(đường đất), 5 cầu chưa kiên cố

xẻng, dao.

- 12/14 bản có nhà văn hóa.
- 10/14 xã có loa truyền thanh.

***Tổ chức xã hội:**

- Thành lập BCHPCTT gồm 38 người (6 nữ).
- Phân công từng thành viên phụ trách 14/14 bản.

2- Sản xuất kinh doanh:

***Vật chất:**

- Có 1 HTX dịch vụ nông nghiệp, BQL gồm 8 người, cung ứng vật tư nông nghiệp cho nhân dân.
- Có dịch vụ tắm mó nước nóng.

*** Tổ chức xã hội:**

- Chỉ đạo kịp thời cho người dân về sản xuất, chăn nuôi.
- Định hướng cơ cấu ngành nghề cho các bản.
- Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể.

3- SKVSMT

*** Vật chất:**

- Có trạm y tế xã, có 1 bác sỹ, 6 nhân viên. Có tủ thuốc. 14/14 bản có y tế bản. 95%

- Còn 1 bản vùng cao (Huổi Siêu) chưa cso điện lưới quốc gia.

- Chưa có nhà văn hóa ở 2/14 bản.
- 4 bản chưa có hệ thống loa truyền thanh.

*** Tổ chức xã hội:**

- Chưa được tập huấn thường xuyên, một số thành viên còn kiêm nhiệm nhiều việc.
- Không được cấp kinh phí hoạt động
- Chưa được cấp phương tiện vận chuyển phục vụ công tác PCTT.
- Chưa thành lập được đội xung kích từ xã đến bản.
- Thiếu kiến thức về PCTT.
- Các điểm có nguy cơ cao, chưa có biển báo, chưa vận động được kinh phí để sửa chữa các công trình hạ tầng cơ sở.

2- Sản xuất kinh doanh:

***Vật chất:**

- Thiếu trang thiết bị, thiết vốn. Chưa có đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.
- Kênh mương nội đồng chưa được kiên cố hóa.
- Chưa cung ứng kịp thời vật tư nông nghiệp cho nhân dân.

*** TCXH:**

- Chưa tổ chức vùng sản xuất chuyên canh tập trung để tạo ra sản phẩm hàng hóa, tăng thu nhập cho người dân.
- Chưa tổ chức được hợp tác xã để cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu cho người dân, nên người dân thường bị mua phải sản phẩm kém chất lượng, như thuốc trừ sâu giả.

3- SKVSMT:

***Vật chất:**

- y tế bản chưa được đào tạo bài bản, chưa đáp ứng được công tác CSSK ban đầu cho người dân
- Người dân chưa quan tâm nhiều đến sức khỏe, chưa đi khám bệnh định kỳ.

***Tổ chức xã hội:**

- Công tác chỉ đạo tuyên truyền thực hiện vệ sinh môi trường chưa thường

	người dân có thẻ BHYT. *Tổ chức xã hội - Chỉ đạo tiêm phòng định kỳ. - Chỉ đạo tuyên truyền thực hiện vệ sinh môi trường.	xuy - Chưa có điểm thu gom rác thải tập trung
--	---	--

Bảng 6.1: Tổng hợp RRTT

Thiên tai	Xu hướng	TTDBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
1.Lũ quét	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra nhanh - Khó dự đoán - Không theo quy luật. - Cường độ càng ngày càng lớn. - Xảy ra thường xuyên hơn 	<p><u>1. An toàn cộng đồng (ATCD):</u> * VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 835 hộ dân sống ở ven sông suối. - Xã chưa có hệ thống truyền thanh tới bản. - 100% km đường giao thông đi lại khó khăn chưa được bê tông hóa. - Chưa có biển cảnh báo ở những vùng có nguy cơ cao. - Mương phai thủy lợi bị xuống cấp. - Ao cá ở vùng trũng, vùng ven suối. - 4 bản vùng thường xuyên bị lũ quét - Thiểu trang thiết bị ứng cứu. - 3 cầu bị xuống cấp nghiêm trọng. 	<p><u>1. An toàn cộng đồng:</u> * VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 30% nhà trú ẩn khi thiên tai xảy ra; Có các điểm an toàn cộng đồng: Nhà văn hoá của 4 bản, 3 trường học, 1 trạm y tế. 6 bản có loa truyền thanh. Hệ thống điện lưới được đảm bảo. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ban ngành đoàn thể có sự phối hợp trong chỉ đạo thực PCTT - Có BCH phòng chống TT của xã. Có 	<p><u>1. An toàn cộng đồng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa có nguy cơ bị sập - Người có nguy cơ bị chết, bị thương do mưa lũ cuốn trôi - Giao thông ách, bị chia cắt khi thiên tai xảy ra.

	<p>* TCXH: Chưa được tập huấn trang bị kiến thức phòng, chống TT. Chưa thành lập đội xung kích cứu hộ cứu nạn</p> <p>*NT,KN,TĐ,ĐC Người dân thiếu kiến thức, còn chủ quan, lo làm ăn chưa quan tâm đến PCTT</p> <p><u>2 SXKD:</u></p> <p>* VC: - 35ha lúa, 18ha rau màu nằm ở vùng trũng, ven suối có nguy cơ bị mất trắng. - Chuồng trại gia cầm, ao cá ở vùng ven suối, vùng trũng.</p> <p>* TCXH: - Chưa có những vùng sản xuất chuyên canh. - Công tác tuyên truyền còn hạn chế. - Không có bao tiêu đầu ra cho sản phẩm. - Đầu tư còn dàn trải, chưa tập trung.</p> <p>*NT,KN,TĐ,ĐC: - 85% hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ, một số hộ còn thả rông gia súc gia cầm - Thiếu kiến thức về sản xuất, chăn nuôi.</p> <p><u>3. SKVSMT:</u></p> <p>*VC: - 35% hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố. - Trạm y tế xã đã xuống cấp. - Chưa có hố rác tập trung, chưa có nơi xử lý rác thải.</p>	<p>sự phân công cụ thể từng thành viên và có kế hoạch cụ thể hàng năm.</p> <p>*NT,KN,TĐ,ĐC Đoàn kết giúp đỡ nhau khi hoạn nạn xảy ra</p> <p><u>2. SXKD</u></p> <p>*VC: - 28 hộ mua bán nhỏ, dự trữ và cung ứng đủ hàng hoá phụ vụ khi có thiên tai xảy ra. - 41 ha trồng lúa, 5 ha trồng rau màu để hỗ trợ cung cấp cho người dân.</p> <p>* TCXH: - Đã có lực lượng xung kích sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn khi TT xảy ra. Hàng năm có phương án đề phòng và ứng phó và tuyên truyền đến người dân.</p> <p>*NT,KN,TĐ,ĐC: - Có kinh nghiệm trồng lúa nương, một số hộ gia đình biết chống rét cho trâu bò</p> <p><u>3. SKVSMT:</u></p> <p>*VC: - 65% hộ có nhà vệ sinh kiên cố. - Có trạm y tế xã. - Phụ nữ có thai và trẻ em được tiêm phòng đầy đủ.</p> <p>* TCXH: Tổ chức tiêm phòng định kỳ cho phụ nữ có thai và trẻ em dưới 5 tuổi</p>	<p>- Các công trình giao thông thủy lợi có nguy cơ bị sạt lở, vùi lấp, cuốn trôi, hư hỏng.</p> <p><u>2. SXKD:</u> - Diện tích lúa bị cuốn trôi, sạt lở, vùi lấp, mất trắng, làm giảm năng suất. - Gia súc, gia cầm bị chết, chuồng trại bị hư hỏng. Ao cá bị cuốn trôi.</p> <p><u>3.SKVSMT:</u> - Trẻ em và người già bị mắc bệnh về đường hô hấp, - Ô nhiễm môi trường .</p>
--	--	--	---

		<p>* TCXH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền thực hiện vệ sinh phòng bệnh, thực hiện vệ sinh môi trường còn yếu. - Đội ngũ y tế bản chưa được đào tạo bài bản <p>*NT,KN,TĐ,ĐC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% dân chưa quan tâm đến sức khỏe, chưa đi khám bệnh định kỳ. - Chưa có ý thức bảo vệ môi trường, một số hộ dân còn vứt rác bừa bãi 	<p>*NT,KN,TĐ,ĐC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 % người dân đã quan tâm đến sức khỏe. - 95% người dân có thẻ bảo hiểm y tế 	
2. Rét hại	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất hiện thường xuyên hơn kéo dài hơn. - Nhiệt độ xuống thấp hơn kèm theo sương muối. 	<p>1. <u>An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% nhà tạm và bán kiên cố, 3000 người già và trẻ em. - 489 hộ nghèo không có kinh phí đầu tư. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn người dân không được tập huấn KT phòng chống rét, công tác tuyên truyền của xã, bản chưa được thường xuyên <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do tập quán. - Hộ nghèo nhiều, gia đình khó khăn mặc chưa đủ ấm. - Phần lớn người dân chưa có KN phòng chống rét <p><u>2. SX,KD</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% GS GC chưa được tiêm phòng thường xuyên - 30 ha mạ, 83,1ha lúa, 65 ha ngô, 120 ha màu, 21 ha ao thả cá ảnh hưởng của rét - Thiếu vốn để đầu tư cho sản xuất. <p>* TCXH:</p>	<p>1. <u>An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% nhà kiên cố - Có 10 bản có loa phát thanh để tuyên truyền <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có BCH PCTT của xã thường xuyên hoạt động và tuyên truyền chỉ đạo 14/14 bản về công tác phòng chống rét. <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 5000 người dân có sức khỏe và kinh nghiệm phòng chống rét <p><u>2. SX,KD</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1300 hộ có kinh tế trung bình khá để đầu tư cho SXKD - 10% gia súc được tiêm phòng, 15% số hộ có chuồng trại đảm bảo - Người dân biết sử dụng nilon để che mạ, bạt che chắn cho GSGC. Chủ động dự trữ thức ăn cho chăn nuôi 	<p>1. <u>An toàn cộng đồng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ chết rét ở người già - Trẻ em và người già mắc bệnh về đường hô hấp, tim mạch <p><u>2. SXKD</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mất mùa giảm năng suất sản lượng lúa ngô rau màu ao cá. - Nguy cơ chết rét ở gia súc gia cầm và dịch bệnh

		<ul style="list-style-type: none"> - Công tác phối hợp chỉ đạo sản xuất giữa các ban ngành đoàn thể từ xã đến bản chưa đồng bộ. - Cán bộ khuyến nông ít địa bàn phụ trách rộng <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức kinh nghiệm về chăn nuôi trồng trọt - Tiếp cận về thông tin thời tiết còn hạn chế - Gia súc gia cầm còn thả rông. <p><u>3.SK, VSMT :</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm Y tế chưa đủ Bác sỹ - Y tế thôn bản chưa được đào tạo chính quy ảnh hưởng đến chăm sóc sức khỏe tại các bản - Chưa có bãi rác tập trung - 80% nhà VS chưa đảm bảo <p>* TC XH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền phòng bệnh chăm sóc sức khỏe còn hạn chế, trạm y tế xã còn thiếu giường bệnh cho dân. - Công tác lãnh đạo chỉ đạo VSMT chưa thường xuyên. <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn chủ quan chưa chăm sóc sức khỏe và bảo vệ môi trường. 	<p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban chỉ đạo phòng chống rét của xã thường xuyên hoạt động. <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tập huấn KHKT phòng chống rét cho người và cây trồng vật nuôi - Một số người dân hưởng xuyên cập nhật thông tin dự báo thời tiết <p><u>3.SK, VSMT :</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ có nhà kiên cố, 15% - Có trạm y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân <p>* TC XH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được triển khai quan tâm. - Người dân có ý thức bảo vệ môi trường như trồng rừng chống sới mòn. <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tiêm phòng cho phụ nữ trẻ em theo định kỳ - Người dân biết mua đồ dùng để giữ ấm 	<p><u>3. SKVSMT</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em người già bị bệnh về đường hô hấp, tim mạch tai biến - Ô nhiễm môi trường - Thiếu nước sạch hợp vệ sinh.
3. Mưa đá	-Bất ngờ, đá to xảy ra trong thời	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 205(trên 920 nhân khẩu) hộ nằm trong vùng 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 nhà văn hóa và 2 điểm trường 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ chết

	<p>gian ngắn, cục bộ một vùng, xảy ra nhiều hơn và bất thường.</p>	<p>thường xuyên có mưa đá, - 150 nhà chưa kiên cố, lợp tấm pro ximăng. * TCXH: - Chưa được tập huấn trang bị kiến thức PCTT, chưa có đội cứu hộ cứu nạn. * NT, KN, TĐ-ĐC. - Chủ quan chưa quan tâm đến công tác PCTT.</p> <p><u>2. SX, KD</u> *VC: Có 20 ha lúa xuân, 5 ha lúa nương, 80 ha ngô, 20 ha cây thực phẩm nằm trong vùng có mưa đá. - 150 con trâu bò chăn thả. - Thiếu kinh phí để đầu tư xây dựng nhà cửa kiên cố chuồng trại cho gia súc. * TCXH: - Công tác chỉ đạo tuyên chưa được thường xuyên. * NT, KN, TĐ-ĐC. - Thiếu kiến thức KN người dân còn chủ quan. <u>3.SK, VSMT :</u> *VC: - Y tế bản còn thiếu tủ thuốc ở các bản chưa có hố rác tập trung, 80% hộ chưa có nhà tiêu hợp VS. * TC XH: - Y tế bản chưa được tập huấn thường xuyên chưa được đào tạo bài bản. * NT, KN, TĐ-ĐC. - Người dân còn thiếu kiến thức chưa có ý thức VBSMT.</p>	<p>kiên cố. - Có loa tuyên thanh ở 3 bản - Có 55 nhà kiên cố. * TCXH: - Có ban chỉ đạo công tác PCTT tuyên truyền cho các hộ dân về PCTT. * NT, KN, TĐ-ĐC. - Đoàn kết giúp đỡ nhau khi có TT xảy ra cùng nhau khắc phục thiệt hại. <u>2. SX, KD</u> *VC: - Có 10% chuồng trại chăn nuôi kiên cố * TCXH: - Có sự quan tâm chỉ đạo của các ban ngành đoàn thể, kịp thời khắc phục những thiệt hại tổn thất do thiên tai * NT, KN, TĐ-ĐC. - Lực lượng lao động đông người dân đoàn kết hỗ trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất. <u>3.SK, VSMT :</u> *VC: - 20% hộ có nhà tiêu hợp VS, có 1 công trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh phục vụ cho 80% dân cư. * TC XH: - Đã tuyên truyền VS phòng bệnh. - Có 1 trạm Y tế gồm 7 nhân viên 1 bác sỹ và 14/14 bản có y tá bản. * NT, KN, TĐ-ĐC. - Kịp thời sơ cấp cứu những người bị thương.</p>	<p>người. - Nguy cơ bị sập nhà, vỡ ngói</p> <p><u>2. SXKD</u> - Làm mất mùa giảm năng xuất. - Rừng có nguy cơ bị đổ gãy. <u>3. SKVSMT</u> - Nguy cơ dịch bệnh xảy ra. - Nguy cơ ô nhiễm môi trường.</p>
--	--	---	--	---

			- Sau thiên tai người dân dọn dẹp vệ sinh nhà cửa.	
4. Lốc	- Bất ngờ xảy ra trong thời gian ngắn cường độ mạnh không theo quy luật, xuất hiện nhiều hơn.	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 bản có 100 hộ trên 300 nhân khẩu nằm ở vùng thường xuyên có lốc (vùng cao) - 100% hộ chưa có nhà kiên cố <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có đội cứu hộ cứu nạn của xã, bản. - Chưa được tập huấn trang bị kiến thức phòng chống thiên tai. - 1 Bản chưa có điện Huỗi Siêu. <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghèo, chủ quan chưa quan tâm đến công tác PCTT. <p><u>2. SXKD</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30 ha lúa, 70 ha ngô nằm ở vùng cao - 90 ha rừng trồng và rừng bảo vệ - Không có kênh mương tưới tiêu cây trồng phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. - Thiếu kiến thức chăn nuôi trồng trọt. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 bản xa trung tâm chưa được gì quan tâm kịp thời. Sản phẩm lự cấp chủ yếu làm ra tự cung tự cấp chủ <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kiến thức chăn nuôi sản xuất 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 điểm trường và 3 nhà văn hóa bản kiên cố theo chương trình 135 CP. - Có loa truyền thanh ở 3 bản. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban quản lý bản chỉ đạo công tác PCTT. - Tuyên truyền cho hộ dân về công tác PCTT <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn kết giúp đỡ nhau khi có TT xảy <p><u>2. SXKD</u></p> <p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nước tụ chảy ở khe suối dùng trâu bò có sức kéo khoảng 120 con <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được quan tâm giúp đỡ đầu tư vay vốn sản xuất và tiêm phòng cho gia súc. Hỗ trợ giống phân bón <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng lao động đông. - Người dân đoàn kết và giúp đỡ nhau 	<p><u>1. An toàn cộng đồng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ chết người. - Nguy cơ bị sập nhà , tốc mái <p><u>2. SXKD</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm mất mùa giảm năng xuất. - Rừng có nguy cơ bị đổ gãy. - Thiếu ăn gia tăng đói nghèo.

	<p>- Chưa có ngành nghề phụ, nông nhàn phải đi làm thuê.</p> <p><u>3.SK, VSMT :</u></p> <p>*VC:</p> <p>- Y tế bản còn thiếu chưa được đào tạo chính quy.</p> <p>- Một số hộ dân chưa có nhà VS</p> <p>- Chưa có bãi rác tập trung.</p> <p>* TC XH:</p> <p>- Y tế bản không phải là người ở bản hạn chế đến chăm sóc sức khỏe cho người dân, thiếu thuốc.</p> <p>* NT, KN, TĐ-ĐC.</p> <p>- Người dân còn chủ quan chưa chăm sóc sức khỏe, còn vất rác bừa bãi.</p>	<p>trong sản xuất</p> <p><u>3.SK, VSMT :</u></p> <p>*VC:</p> <p>- Có Y tế bản, có nhà VS, có nước sinh hoạt thuộc chương trình 135.</p> <p>* TC XH:</p> <p>- Đã tuyên truyền VS phòng bệnh tâm màn chống muỗi cho người dân</p>	<p><u>3. SKVSMT</u></p> <p>- Nguy cơ dịch bệnh xảy ra.</p> <p>- Nguy cơ ô nhiễm môi trường.</p>
--	---	--	--

Bảng 7.1: XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI TẠI XÃ CHIỀNG ĐÔNG Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

RRTT	Tại lớp TH		Cụm bản 1		Cụm bản 2		Kiểm chứng		Tổng cộng		Tổng cộng	Xếp hạng
	Nam (13)	Nữ (9)	Nam (10)	Nữ (12)	Nam (15)	Nữ (11)	Nam (18)	Nữ (8)	Nam (56)	Nữ (40)		
Nguy cơ người chết và bị thương	5	4	5	4	3	3	12	1	25	12	37	9
Nguy cơ nhà ở, chuồng trại hư hỏng, vùi lấp	5	7	15	10	9	6	6	8	35	31	66	6
Thiếu ăn vào giáp hạt	20	8	8	16	33	29	20	8	81	61	142	3
Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chia cắt	29	27	6	13	27	20	47	22	109	82	191	1
Gia súc, gia cầm chết, bị dịch bệnh	8	5	8	9	7	6	8	6	31	26	57	8
Ngô, lúa, hoa màu mất mùa, giảm năng suất	20	5	34	19	29	23	30	20	113	67	180	2
Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp	18	8	13	10	11	6	12	3	54	27	81	5
Nguy cơ bị bệnh ở người già, trẻ em	3	5	3	2	7	4	4	1	17	12	29	10
Ô nhiễm môi trường	7	16	6	25	17	6	29	7	59	54	113	4
Thiếu nước sạch	15	5	2	12	7	7	12	4	36	28	64	7

Bảng 8.1: Kết quả tổng hợp phân tích nguyên nhân tại xã Chiềng Đông

TT	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Hệ thống giao thông bị sạt lở, ách tắc, chi cắt	Đường giao thôn liên bản chưa được kiên cố hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nguồn lực, thiếu vốn để nâng cấp đường giao thông. - Công tác chỉ đạo chưa kịp thời. - Chưa chủ động và thiếu ý thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường đầu tư, sửa chữa đường giao thông. - Huy động vốn để bảo dưỡng nguồn lực kịp thời. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân.
		- Công tác chỉ đạo duy tu chưa tốt	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kinh phí để tu sửa thương xuyên - Cán bộ chuyên môn chưa được đào tạo. - Ý thức trách nhiệm của người dân chưa cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm tăng thu nhập. - Cử cán bộ chuyên môn đi đào tạo. - Vận động tuyên truyền thường xuyên.
		Người dân chưa tự giác sửa chữa, bảo dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nguồn lực - Người dân còn trông chờ ỷ lại - Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao 	<ul style="list-style-type: none"> -- Vận động nguồn lực hỗ trợ để duy tu bảo dưỡng. - Tuyên truyền vận động thường xuyên - Tạo việc làm, tăng thu nhập
2	Mất mùa, giảm năng suất lúa, ngô và hoa màu	- 80 ha lúa, ngô, hồ màu thiếu nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương chưa được kiên cố hoá. - Chưa kịp thời chỉ đạo để đảm bảo duy tu - Chưa chủ động nạo vét kênh mương thường xuyên và thiếu kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương. - Chỉ đạo người dân thường xuyên nạo vét kênh mương và dành kinh phí để duy tu bảo dưỡng kênh mương. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức
		- Chăm sóc chưa tốt	<ul style="list-style-type: none"> -Thiếu thuốc phòng trừ sâu bệnh, thiếu kinh phí đầu tư. - Chưa tập huấn kiến thức chăm sóc cây trồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm, tăng thu nhập. - Tổ chức các lớp tập huấn. - Tập trung tuyên truyền thường xuyên.

			- Ý thức chăm sóc kém.	
		Chọn giống chưa phù hợp (sử dụng giống cũ 30%)	- Thiếu kinh phí. - Thiếu đầu tư kinh phí cho giống lúa mới. - Do tập quán và thiếu hiểu biết.	- Tạo việc làm, tăng thu nhập, tạo đầu ra cho sản phẩm. - Lập KH sản xuất giống mới có năng suất cao. - Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức.
3	Thiếu ăn vào giáp hạt	Thiếu lương thực	- Mất mùa, giảm năng suất. - Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ chưa tốt. - Do tập quán cũ	- Đầu tư giống mới, phân bón, chăm sóc tốt. - Tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện của xã. - Tăng cường tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật
		Hỗ trợ lương thực chưa đủ	-Số người cần hỗ trợ lớn. - Lập danh sách hỗ trợ chưa chính xác. - Một số hộ trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.	- Tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm hộ nghèo. - Khảo sát lập danh sách người cần hỗ trợ chính xác. - Tuyên truyền vận động
		Chưa chủ động dự trữ lương thực	-Nhiều hộ nghèo và cận nghèo. - Chưa chỉ đạo tốt tạo việc làm tăng thu nhập. - Thiếu kiến thức, chưa biết hạch toán kinh tế trong gia đình	- Tạo việc làm, phát triển các nghề phụ cho phụ nữ (Dệt thổ cẩm); Tạo đầu ra cho sản phẩm . - Tạo việc làm, tăng thu nhập. - Tập huấn nâng cao kiến thức.
4	Ô nhiễm môi trường	80% số hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố	-23,5% hộ nghèo thiếu nguồn lực - Chưa chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền VSMT - Người dân thiếu kiến thức và ý thức	- Tạo việc làm, tăng thu nhập. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân. - Tập huấn nâng cao kiến thức về VSMT cho người dân
		Chưa có hố rác tập trung	-Chưa bố trí kinh phí và đất quy hoạch hố rác. - Chưa kiên quyết chỉ đạo lập kế hoạch xây dựng hố rác tập trung và	- Vận động nguồn lực, bố trí đất, quy hoạch hố rác tập trung. - UBND có kế hoạch xây dựng hố rác tập trung.

			<ul style="list-style-type: none"> xử lý rác - Người dân chưa thấy được tầm quan trọng của việc phải có hố rác tập trung 	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân
		<p>Người dân vứt rác bừa bãi và chặt phá rừng bừa bãi</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Người dân thiếu đất sản xuất, chưa có hố rác tại gia đình, thiếu nguồn lực, thu nhập thấp. - Công tác chỉ đạo tuyên truyền chưa tốt, chưa có sự phối hợp đồng bộ. - Người dân chưa có ý thức BVMT, thiếu kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng hệ số sử dụng đất từ 1 vụ sang 2 vụ. Tìm đầu ra cho sản phẩm. - Phối hợp tuyên truyền vận động thường xuyên liên tục, ban hành quy ước, hương ước, xử lý nghiêm minh. - Tập huấn, nâng cao nhận thức cho người dân.
5	Kênh mương nội đồng hư hỏng, vùi lấp	Hệ thống kênh mương 37,5 nằm ở khe suối, vùng sạt lở	- Hộ nghèo đông, thiếu kinh phí, thu nhập thấp nên không duy tu bảo dưỡng thường xuyên	- Tạo công ăn việc làm thâm canh, tăng vụ
			-Xã chưa quan tâm đầu tư, quản lý chưa tốt nên hệ thống kênh mương hư hỏng xuống cấp	- Đầu tư sửa chữa hệ thống kênh mương
			Người dân chưa chủ động sửa chữa còn trông chờ ỷ lại cấp trên	Tuyên truyền vận động người dân chủ động sửa chữa nâng cấp
		Công tác chỉ đạo suy tu bảo dưỡng chưa tốt	-Xã chưa dành kinh phí chưa vận động được nguồn lực để hỗ trợ bên ngoài	- Huy động nguồn lực sửa chữa nâng cấp
			-Đội quản lý mương phai thủy lợi hoạt động chưa tốt do thiếu kinh phí thường xuyên	- Hàng năm phải củng cố đội quản lý mương phai và kinh phí hoạt động
			-Xã chưa quan tâm thường xuyên và kịp thời cho công tác kênh mương thủy lợi	- Nâng cao trách nhiệm cho cán bộ xã, bản.

			-Nghèo thiếu nhân lực vật lực, thu nhập thấp	- Tạo đà ra cho sản phẩm ngô, lúa, hoa màu , cây ăn quả
		Chưa có ý thức bảo vệ, duy tu bảo dưỡng thường xuyên	-BQL bản chưa tốt chức chỉ đạo việc duy tu bảo sưỡng thường xuyên, chưa có quy định xử phạt nghiêm minh.	- Nâng cao trách nhiệm cho BQL bản và người dân.
			-Thiếu kiến thức do bỏ học từ cấp 2 vì kinh phí đóng góp cao	- Đề nghị giảm các kinh phí đóng góp cho con em đi học đặc biệt là hộ nghèo.

Bảng xếp hạng giải pháp GNRRT xã Chiềng Đông

Giải pháp	Tại lớp TH		Cụm bản 1		Cụm bản 2		Kiểm chứng		Tổng cộng			Xếp hạng
	Nam (13)	Nữ (9)	Nam (10)	Nữ (12)	Nam (15)	Nữ (11)	Nam (18)	Nữ (8)	Nam (56)	Nữ (40)	Tổng Phiếu	
Phát triển nghề truyền thống (dệt thổ cẩm cho phụ nữ)	26	21	0	0	0	0	20	13	46	34	80	5
Tập huấn chuyên gia KHKT về chăn nuôi và trồng trọt	7	5	0	0	9	7	11	6	27	18	45	12
Tạo việc làm, tăng thu nhập	3	6	11	19	6	17	8	3	28	42	70	8
Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương	17	8	0	0	28	22	39	20	84	50	134	1
Đầu tư xây dựng, bê tông hóa đường giao thông	42	6	0	0	26	7	30	13	98	26	124	2
Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khỏe	3	13	32	20	6	17	8	3	49	53	102	3
Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm ngô lúa hoa màu	10	8	0	0	17	6	32	11	59	25	84	4
Lập dự án sử dụng giống mới năng suất cao	3	4	0	0	0	0	7	3	10	7	17	17
Giảm các khoản đóng góp và kinh phí cho con em đi học	14	7	0	0	0	0	10	1	24	8	32	15
Chuyển đổi giống cây trồng phù hợp. Tổ chức trồng cây chuyên canh, tạo sản phẩm hàng hóa	5	12	9	13	0	0	24	8	38	33	71	7
Khảo sát, lập danh sách người cần được hỗ trợ chính xác	0	0	0	13	0	0	0	0	0	13	13	18
Vận động nhân dân không trông chờ quá nhiều vào sự hỗ trợ của Nhà nước	0	0	0	4	0	0	0	0	0	4	4	20
Đầu tư giống mới, phân bón, chăm sóc tốt	0	0	11	17	18	6	0	0	29	23	52	10
Áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăm sóc cây trồng	0	0	12	10	0	0	0	0	12	10	22	16
Quản lý duy tu công trình tại cộng đồng	0	0	0	7	0	0	0	0	0	7	7	19
Có dịch vụ cung ứng giống, phân bón, thuốc đảm bảo chất lượng	0	0	0	0	25	6	13	6	38	12	50	11
Quy hoạch xây dựng bãi rác tập trung	0	0	0	0	16	29	17	17	33	46	79	6
Đào tạo nâng cao năm lực, trình độ chuyên môn cho Ban quản lý Bản, cán bộ xã và nâng cao trách nhiệm trong các hoạt động.	0	4	0	0	5	10	20	3	25	13	38	13
Hàng năm củng cố đội quản lý mương phai và hỗ trợ kinh	0	0	0	0	28	22	6	8	34	30	64	9

phí hoạt động													
Lãnh đạo xã đối ngoại vận động nguồn lực xây dựng nâng cấp kênh mương và đường giao thông	0	0	0	0	0	0	27	7	27	7	34	14	
Bảng 9.1: Tổng hợp giải pháp phòng chống thiên tai Xã Chiềng Đông													

T.T	Giải pháp	Địa điểm, đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể thực hiện giải pháp	Tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Dân	Địa phương	Bên ngoài
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khỏe	Người dân toàn xã	HD1: Tuyên truyền trực tiếp qua các cuộc họp của bản và các ban ngành đoàn thể.	BQL Bản và các ban ngành	Thường xuyên		100%	
			HD2: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của bản	Ban quản lý bản + Văn hoá xã	Thường xuyên		100%	
			HD3: Tổ chức diễn tập hàng năm	UBND Xã	Trung hạn	20%	50%	30%
			HD4: Pa nô, áp phích, biển cảnh báo	UBND xã + BQL Bản	Trung hạn		50%	50%
			HD5: Tổ chức văn nghệ	Các bản + Văn hoá xã	Trung hạn	70%	30%	
			HD6: Tổ chức các hoạt động và tập huấn cho học sinh và nhân dân	VH xã + trường học + Ban quản lý bản	Trung hạn		100%	
2	Quy hoạch và đầu tư xây dựng bãi rác thải, thu gom rác thải	Người dân toàn xã	HD1: Xác định địa điểm khu bãi rác thải	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HD2: Lập đề án xây dựng bãi rác	UBND và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HD3: Thành lập đội thu gom rác	UBND xã	Trung hạn		100%	

			HĐ4: Tuyên truyền vận động người dân thu gom rác thải	UBND xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ5: Tiến hành xây dựng bãi rác	UBND xã	Dài hạn		50%	50%
			HĐ 6:Tiến hành thu gom, xử lý rác thải	Nhân dân	Thường xuyên	70%	30%	
			HĐ7: Quy định về quản lý và cơ chế, kinh phí hoạt động thu gom	UBND xã	Thường xuyên		100%	
3	Đầu tư xây dựng sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương (28km kênh mương, 60 đập nước tạm thời)	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống kênh mương + 60 đập nước	UBND xã + BQLBản	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tổ chức nạo vét kênh mương	Cán bộ nông nghiệp xã, bản	Thường xuyên	100%		
			HĐ3: Lập đề án sửa chữa nâng cấp	UBND xã, cán bộ Thủy lợi	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Vận động nguồn lực	UBND xã + Ban QLDA	Trung hạn		100%	
			HĐ5: Thực hiện sửa chữa, nâng cấp, xây dựng 28 km kênh mương, 60 đập nước.	Các bản	Trung hạn	30%	50%	20%
			HĐ6:Quản lý, sử dụng có hiệu quả	Các bản	Thường xuyên	100%		
			Hđ7:Kiểm tra, bảo vệ, bảo dưỡng thường xuyên	UBND xã + Ban QLDA	Thường xuyên		100%	
4	Đầu tư xây dựng bê tông hóa hệ thống giao	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng	Cán bộ giao thông + ban quản lý Bản	Ngắn hạn		100%	
			HĐ2: Lập đề án xây dựng	UBND xã	Ngắn hạn		100%	

	thông		HD3: Vận động nguồn lực	UBND xã	Trung hạn		100%	
			HD4: Tiến hành triển khai xây dựng	UBND xã + Ban QLDA	Dài hạn	20%	30%	50%
			HD5: Giám sát xây dựng	Ban giám sát xã + dân	Dài hạn		100%	
			HD6: Nghiệm thu, quản lý, đưa vào sử dụng	Ban GS + thi công + người dân	Ngắn hạn		100%	
			HD 7: Duy tu bảo dưỡng thường xuyên	UBND xã + Ban QLDA	Dài hạn	50%	50%	
5	Tạo đầu ra sản phẩm (Ngô, hoa màu)	Người dân toàn xã	HD1: Đánh giá năng suất sản phẩm lúa, ngô, hoa màu	Cán bộ khuyến nông xã	Trung hạn		100%	
			HD2 : Liên hệ với các doanh nghiệp	UBND xã + ban QL	Ngắn hạn		100%	
			HD3: Thành lập HTX thu mua sản phẩm cho người dân	UBND xã + ban QLDA	Trung hạn		100%	
			HD4: Vận động nhân dân nhập sản phẩm cho HTX	UBND xã + ban QLDA	Trung hạn		100%	
			HD5: Hợp đồng giữa HTX và người dân để tiêu thụ sản phẩm, đầu tư giống, vốn	UBND xã + ban QLDA + Người dân	Trung hạn	20%	60%	40%
			HD6 : Xây dựng sân bãi, kho hàng hoá sản phẩm	HTX+ UBND xã	Trung hạn	30%	30%	40%

DANH SÁCH LỚP TẬP HUẤN VÀ ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD

1, Nhóm đánh giá (nhóm học viên):

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lò Văn Khăm	Phó chủ tịch UBND xã	01679996487
2	Hoàng Văn Xuân	Cán bộ địa chính- NLN- nhóm trưởng	0943732883
3	Hà Văn Lái	Chỉ huy trưởng- BCH Quân sự	01657444754
4	Hoàng Văn Biên	Trưởng công an xã	01694034208
5	Hoàng Văn Quyết	Cb VP thống kê	01659717343
6	Hoàng Mạnh Pâu	CB TBXH	01696455380
7	Lò Thị Lan	CB Tư pháp	01654328770
8	Hoàng Thị Thu	P.Chủ tịch Mặt trận TQ	01635715943
9	Hoàng Thị Thanh	Q. chủ tịch Hội LHPN	01698740411
10	Hoàng Thị Bình	CT Hội chữ thập đỏ	01645604092
11	Hoàng Văn Khù	Bí thư Đoàn thanh niên	01659533849
12	Lò Thị Anh	PCT Hội nông dân	01669103666
13	Hoàng Thị Mai	CHT Phụ nữ bản Nhôm	01642367838
14	Quàng Thị Le	CHT PN bản Huổi Pù	01686674499
15	Hoàng Thị Thủy	CHT PN bản Đông Tầu	01659730245
16	Hoàng Văn Sớ	Trưởng bản Chùm	01655359952
17	Lò Văn Cường	Trưởng bản Hươn	0979855220
18	Lò Văn Đồi	Trưởng bản Chai	01658167854
19	Hoàng Văn Thiết	Trưởng bản Thèn Luông	0989475185
20	Lò Văn Sớ	Trưởng bản Nặm Ún	0974816750
21	Hoàng Văn Hường	Trưởng bản Luông Mé	01659472415
22	Lò Văn Đại	Trưởng bản Nà Pản	01655360334

2, Nhóm Tập huấn viên:

1. Cầm Bun Păn - Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và PTNT
2. Nguyễn Thị Ngà - Hội Phụ nữ tỉnh
3. Vì Kiều Oanh- Tỉnh đoàn Sơn La

3, Nhóm tư vấn, giám sát:

- Bùi Thị Mai: giảng viên CDBRM Trung ương

4, Ban tổ chức:

- Lương Như Oanh: cán bộ tổ chức oxfam

- Nguyễn Việt Trần Nam: cán bộ tổ chức oxfam

